

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 5 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lâm

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tiên – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc Y, sinh năm 1996 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: ấp BV, xã VH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BH, xã VH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Ngọc Y trình bày:

Chị và anh Trần Văn C cưới nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH (Ba Tri – Bến Tre) ngày 03/9/2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có thái độ không tôn trọng chị trước mặt đông người, nhiều lúc anh C muốn làm gì là tự ý làm chứ không bàn bạc trước với chị, đôi lúc thì cũng có bàn bạc trước với chị nhưng sau đó anh C lại làm theo ý mình, ngoài ra anh C còn hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt rồi về nhà kể chuyện với chị. Thấy cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc nên chị sống ly thân với anh C cách nay hơn nửa năm, trong thời gian ly thân lúc đầu anh C có đến nhà chị nhưng mỗi lần đến thì trong người đã có rượu nên không thể nói chuyện được, mâu thuẫn của vợ chồng không thể tháo gỡ được. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh C, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 25/4/2020, cháu M hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu M.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Ngọc Y đối với anh Trần Văn C. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 giao con

chung Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 25/4/2020 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: Bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh C vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Phạm Ngọc Y có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh C.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Y và anh C cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 03/9/2019 nên là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không có sự quan tâm, yêu thương, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mất hạnh phúc vợ chồng. Chị Y và anh C đã ly thân cách nay hơn nửa năm, trong thời gian ly thân hai bên không có biện pháp hòa giải tháo gỡ mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Anh C biết việc chị Y yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị Y. Điều đó thể hiện anh C đã không có thiện C muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Y và anh C là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Y với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Y và anh C có một con chung là cháu Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 25/4/2020, hiện con chung đang sống cùng chị Y, khi ly hôn chị Y có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc

trực tiếp của người mẹ, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con chung thì Hội đồng xét xử giao con chung Trần Phạm Khánh M cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Y tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Phạm Ngọc Y phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Ngọc Y đối với anh Trần Văn C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Phạm Ngọc Y có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 25/4/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một

hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Ngọc Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003079 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị Y đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Ngọc Y, anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã VH (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lâm